

DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUJS.KHHT.2026.043>

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG AI TRONG SOẠN BÀI GIẢNG, GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁNG VIÊN

Phan Thị Mai Trâm*
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Sự phát triển mạnh mẽ của Trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong giáo dục đại học, đặt ra yêu cầu đổi mới phương pháp sư phạm. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tích hợp AI vào ba khâu cốt lõi: Soạn giảng, giảng dạy trên lớp và đánh giá kết quả học tập. Thông qua việc khảo sát thực trạng, mức độ sẵn sàng và những rào cản của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu nhận diện các thách thức cụ thể trong việc ứng dụng công nghệ. Kết quả cho thấy, mặc dù AI giúp tiết kiệm đáng kể thời gian thiết kế bài giảng và tối ưu hóa quy trình chấm điểm, việc áp dụng vào thực tế vẫn còn mang tính tự phát và thiếu đồng bộ. Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu đề xuất một khung giải pháp toàn diện bao gồm: Chương trình bồi dưỡng năng lực công nghệ cho giảng viên, xây dựng bộ quy tắc sử dụng AI có đạo đức và phát triển hạ tầng tương thích. Tầm quan trọng của nghiên cứu nằm ở việc cung cấp cơ sở thực tiễn giúp nhà trường tối ưu hóa quy trình giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thích ứng hiệu quả với kỷ nguyên số.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, giáo dục đại học, phương pháp giảng dạy, đánh giá học tập, năng lực số

SOLUTIONS TO ENHANCE THE EFFECTIVENESS OF UTILIZING AI IN LESSON PREPARATION, TEACHING, AND STUDENT ASSESSMENT FOR LECTURERS

Phan Thi Mai Tram

ABSTRACT

The rapid development of Artificial Intelligence (AI) is creating profound transformations in higher education, necessitating pedagogical innovations. This research is conducted to propose solutions for enhancing the effective integration of AI into three core processes: Lesson preparation, classroom teaching, and student assessment. By surveying the current usage, readiness levels, and existing barriers among university lecturers, the study identifies specific challenges in technological adoption. The expected findings indicate that while AI significantly reduces the time required for instructional design and optimizes grading procedures, its current application remains largely spontaneous and lacks consistency. Based on these discoveries, the research proposes a comprehensive framework of solutions, including: continuous technology capacity-building programs for faculty members, the establishment of ethical AI usage guidelines, and the development of compatible technological infrastructure. The importance of this study lies in providing a practical roadmap that assists higher education institutions in optimizing teaching workflows, thereby improving overall educational quality and adapting successfully to the demands of the digital era.

Keywords: artificial intelligence, higher education, teaching methods, student assessment, digital competence

* Tác giả liên hệ: Phan Thị Mai Trâm, Email: tramptm@hiu.vn
(Ngày nhận bài: 30/3/2026; Ngày nhận bản sửa: 18/4/2026; Ngày duyệt đăng: 23/4/2026)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kỷ nguyên số và sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã trở thành một xu thế tất yếu. Đặc biệt, sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI), tiêu biểu là các công cụ AI tạo sinh (Generative AI), đang tạo ra những bước chuyển mình sâu sắc trong phương pháp sư phạm. Các công nghệ mới này mang lại tiềm năng to lớn, không chỉ giúp tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại mà còn hỗ trợ giảng viên tối ưu hóa quy trình làm việc, từ đó nâng cao chất lượng và cá nhân hóa trải nghiệm học tập của sinh viên.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng tại các cơ sở giáo dục đại học hiện nay cho thấy một bức tranh còn nhiều bất cập. Giảng viên đang phải đối mặt với áp lực lớn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy để bắt kịp xu hướng công nghệ, nhưng lại thiếu vắng những hướng dẫn mang tính hệ thống và bài bản. Việc ứng dụng AI vào công tác chuyên môn phần lớn vẫn mang tính tự phát, thử nghiệm cá nhân và khá rời rạc. Bên cạnh đó, những rào cản về năng lực số, kỹ năng khai thác công cụ (như kỹ năng thiết lập câu lệnh), cùng với lo ngại về đạo đức học thuật và tính chính xác của dữ liệu đang làm hạn chế hiệu quả thực chất mà AI có thể mang lại.

Xuất phát từ những đòi hỏi cấp thiết đó, nghiên cứu “Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng trí tuệ nhân tạo trong soạn giảng, giảng dạy và đánh giá của giảng viên” được thực hiện. Thông qua việc tiến hành khảo sát toàn bộ đội ngũ giảng viên tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Quốc tế, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, bài báo tập trung phân tích số liệu thực tế để làm rõ thực trạng sử dụng cũng như những rào cản trong việc tiếp nhận AI. Dựa trên kết quả khảo sát này, nghiên cứu đặt mục tiêu xây dựng và đề xuất một khung giải pháp toàn diện, khả thi nhằm giúp giảng viên trong Khoa ứng dụng AI một cách hiệu quả, có trách nhiệm trong ba khâu trọng yếu: Chuẩn bị bài giảng, giảng dạy trên lớp và đánh giá kết quả học tập.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Thứ nhất, J. Su & W. Yang (2023), trong công trình “*Unlocking the Power of ChatGPT: A Framework for Applying Generative AI in Education*” (Giải mã sức mạnh của ChatGPT: Khung ứng dụng AI tạo sinh trong giáo dục). Nghiên cứu cung cấp một khung lý thuyết toàn diện về cách thức AI tạo sinh có thể được ứng dụng trong môi trường giáo dục, đặc biệt nhấn mạnh vào tiềm năng tự động hóa công việc hành chính và hỗ trợ cá nhân hóa việc học. Tuy nhiên, công trình chủ yếu đứng từ góc độ vĩ mô và hướng tới lợi ích của người học, chưa đi sâu phân tích dữ liệu thực nghiệm về quy trình làm việc hằng ngày của giảng viên (đặc biệt là khâu lên lớp và chấm thi) [1].

Thứ hai, C. K. Lo (2023), trong công trình “*What Is the Impact of ChatGPT on Education? A Rapid Review of the Literature*” (Tác động của ChatGPT đối với giáo dục là gì? Lược khảo nhanh các tài liệu). Tác giả đã tổng hợp và chỉ ra những bằng chứng thực tiễn đầu tiên về thái độ tiếp nhận AI của giới học thuật, cho thấy tỷ lệ đồng thuận cao trong việc dùng AI để soạn thảo văn bản và đề cương. Nhưng nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở các công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (dạng văn bản như ChatGPT) và chưa đo lường định lượng mức độ hiệu quả trong khâu kiểm tra, đánh giá người học, cũng như chưa đề xuất các giải pháp quản lý rủi ro [2].

Thứ ba, M. Sharples (2023), trong bài viết “*Towards social generative AI for education: Theory, practices and ethics*” (Hướng tới AI tạo sinh xã hội trong giáo dục: Lý thuyết, thực tiễn và đạo đức). Nghiên cứu đã phân tích rất sâu sắc khía cạnh đạo đức học thuật, gian lận thi cử và bản quyền khi sử dụng AI, đồng thời đưa ra các nguyên tắc cốt lõi để sử dụng AI có trách nhiệm. Mặc dù mạnh về nền tảng đạo đức, công trình lại thiếu vắng các bộ giải pháp mang tính “cầm tay chỉ việc” hay các hướng dẫn thao tác kỹ thuật cụ thể để giảng viên áp dụng trực tiếp vào từng bài giảng [3].

Thứ tư, Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự (2024), trong công trình “*Thực trạng ứng dụng ChatGPT và các công cụ AI trong sinh viên và giảng viên đại học tại Việt Nam*”. Cung cấp bức tranh tổng quan và số liệu thực tế về nhận thức, mức độ sử dụng AI cơ bản tại các trường đại học trong nước, làm nổi bật rào cản về rào cản ngôn ngữ và kỹ năng công nghệ. Tuy vậy, khảo sát mới chỉ đánh giá chung

chung về “việc sử dụng AI”, chưa phân loại và bóc tách chi tiết mức độ ứng dụng vào ba tiến trình sư phạm cụ thể: Soạn bài - Giảng dạy trên lớp - Chấm bài [4].

Cuối cùng, Lê Văn Hùng & Phạm Thị Mai (2024), trong công trình “*Đánh giá mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ giáo dục và trí tuệ nhân tạo của giảng viên khối ngành Ngôn ngữ và Xã hội*”. Điểm mạnh của công trình là xác định chính xác các rào cản tâm lý và rào cản kỹ thuật đặc thù của nhóm giảng viên thuộc khối ngành ngôn ngữ, văn hóa khi tiếp cận các công nghệ tự động hóa. Công trình chủ yếu đánh giá thực trạng “sẵn sàng hay chưa” mà chưa tiến xa hơn để đề xuất một khung giải pháp toàn diện (bao gồm đào tạo năng lực, hỗ trợ công cụ và hành lang pháp lý) cho cơ sở giáo dục [5].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đặt nền móng quan trọng khi khẳng định tiềm năng to lớn cũng như nhận diện những thách thức bước đầu (về năng lực, đạo đức học thuật) của việc ứng dụng AI trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn đang tiếp cận ở tầm vĩ mô, tập trung vào đối tượng người học, hoặc chỉ đánh giá mức độ tiếp nhận công nghệ một cách chung chung. Rất ít công trình đi sâu bóc tách thực trạng ứng dụng AI theo từng tiến trình sư phạm cụ thể. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm lấp đầy những khoảng trống đó. Bằng việc giới hạn phạm vi khảo sát chuyên sâu đối với đội ngũ giảng viên tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Quốc tế, bài viết không chỉ lượng hóa chi tiết mức độ ứng dụng AI vào ba khâu cốt lõi (soạn giảng, giảng dạy trên lớp và đánh giá kết quả), mà còn tiến xa hơn trong việc đề xuất một khung giải pháp toàn diện, mang tính thực chiến. Điều này cung cấp cơ sở dữ liệu quan trọng và hướng dẫn cụ thể giúp cơ sở giáo dục chuyển hóa tiềm năng của AI thành hiệu quả giảng dạy thực tế.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng (Quantitative research) làm phương pháp tiếp cận chủ đạo. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát bằng bảng hỏi trực tuyến, kết hợp giữa các câu hỏi đóng (áp dụng thang đo Likert) và câu hỏi mở ngắn. Phương pháp này cho phép thu thập dữ liệu trên diện rộng nhằm đánh giá một cách khách quan về thực trạng, mức độ ứng dụng, cũng như nhận diện các rào cản trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) của đội ngũ giảng viên. Toàn bộ dữ liệu hợp lệ thu hồi được xử lý thông qua phương pháp thống kê mô tả và phân tích tần suất, từ đó tạo lập cơ sở thực tiễn vững chắc để xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng AI phù hợp với đặc thù chuyên môn.

3.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng và quy mô khảo sát: Khảo sát được triển khai tới toàn bộ đội ngũ giảng viên đang công tác tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Quốc tế, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU). Tại thời điểm thực hiện nghiên cứu, tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa là 27 người.

Mẫu khảo sát và tỷ lệ hồi đáp: Thông qua hình thức khảo sát trực tuyến, nghiên cứu đã thu về 20 phiếu phản hồi. Sau quá trình kiểm tra, tất cả 20 phiếu đều đảm bảo tính hợp lệ, không có dữ liệu trống hoặc sai lệch. Như vậy, cỡ mẫu thực tế đưa vào phân tích là 20 giảng viên, đạt tỷ lệ hồi đáp là 74.1%. Mẫu khảo sát bao gồm đầy đủ đại diện từ Ban chủ nhiệm Khoa, lãnh đạo các bộ môn và giảng viên các khối ngành ngôn ngữ, giúp kết quả đánh giá mang tính khách quan và bao quát.

Phạm vi nội dung: Tập trung phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng AI vào 03 tiến trình cốt lõi: (1) Soạn bài giảng, (2) Giảng dạy trực tiếp và (3) Đánh giá/chấm bài.

Thời gian thực hiện: Khảo sát được triển khai trong học kỳ II năm học 2025 - 2026.

3.3. Công cụ và quy trình thu thập dữ liệu

Công cụ thu thập dữ liệu chính là bộ câu hỏi khảo sát trực tuyến gồm 42 câu, được thiết kế nhằm đo lường các khái niệm nghiên cứu cụ thể. Bộ công cụ kết hợp sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (từ 1: Hoàn toàn không đồng ý/Không bao giờ đến 5: Hoàn toàn đồng ý/Rất thường xuyên), câu hỏi nhiều

lựa chọn (multiple choice) và câu hỏi mở. Cấu trúc được chia thành 06 phần cụ thể như sau:

Phần 1. Thông tin chung (Biến nhân khẩu học và thói quen): Thu thập dữ liệu định danh về đặc điểm nhân viên công tác và mức độ tự đánh giá tần suất dùng AI ban đầu của giảng viên.

Phần 2. Giai đoạn Soạn giảng: Đo lường thực trạng chuẩn bị học liệu. Phần này gồm 10 biến quan sát đánh giá mức độ sử dụng AI trong soạn bài (sử dụng thang Likert 5 mức độ) và 01 câu hỏi nhiều lựa chọn để xác định các công cụ cụ thể đang được giảng viên sử dụng (như ChatGPT, Gemini, Canva...).

Phần 3. Giai đoạn Giảng dạy: Đo lường mức độ tích hợp AI vào các hoạt động trên lớp. Phần này gồm 10 biến quan sát đánh giá mức độ tương tác lớp học (sử dụng thang Likert 5 mức độ) và 01 câu hỏi nhiều lựa chọn xác định công cụ hỗ trợ.

Phần 4. Giai đoạn Đánh giá: Đo lường thực trạng kiểm tra, chấm điểm. Phần này gồm 10 biến quan sát đánh giá hiệu quả chấm điểm và phản hồi (sử dụng thang Likert 5 mức độ) và 01 câu hỏi nhiều lựa chọn xác định công cụ.

Phần 5. Giải pháp nâng cao hiệu quả: Gồm 04 câu hỏi với nhiều lựa chọn (multiple choice) nhằm đánh giá mức độ ưu tiên đối với các nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năng lực và chính sách hỗ trợ từ nhà trường.

Phần 6. Mong muốn tương lai: Gồm 05 câu hỏi nhiều lựa chọn để dự báo xu hướng tiếp nhận AI và 01 câu hỏi mở nhằm thu thập ý kiến định tính chuyên sâu về những kỳ vọng hoặc khó khăn đặc thù chưa được bao quát ở các phần trên.

3.4. Mô hình và Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên Mô hình Chấp nhận Công nghệ (TAM), nghiên cứu đặt ra các giả thuyết sau:

- Giả thuyết H1: Năng lực công nghệ thông tin và kỹ năng thiết lập câu lệnh (Prompt engineering) của giảng viên có tác động tích cực đến hiệu suất sử dụng AI trong khâu chuẩn bị bài giảng.
- Giả thuyết H2: Sự hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và chính sách từ Khoa/Nhà trường tác động trực tiếp đến mức độ sẵn sàng tích hợp AI vào quy trình giảng dạy và đánh giá.

3.5. Phương pháp phân tích dữ liệu

Quy mô mẫu nhỏ, phạm vi một Khoa, dữ liệu tự báo cáo, chưa kiểm định giả thuyết, chưa có minh chứng thực nghiệm quan sát lớp học... Việc chỉ ra giới hạn không làm yếu bài, ngược lại còn thể hiện thái độ học thuật nghiêm túc.

Dữ liệu thu thập từ bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm thống kê chuyên dụng. Các kỹ thuật phân tích bao gồm:

- Thống kê mô tả: Sử dụng tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình (Mean) để mô tả thực trạng ứng dụng AI trong 03 giai đoạn.
- Kiểm định độ tin cậy (Cronbach's alpha): Đánh giá tính nhất quán của các nhóm câu hỏi khảo sát.
- Phân tích nội dung: Đối với câu hỏi mở ở phần 6, nhóm tác giả sẽ phân loại các ý kiến đóng góp theo chủ đề để làm cơ sở cho phần kiến nghị giải pháp.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Trước khi đi sâu vào phân tích thực trạng ứng dụng AI của đội ngũ giảng viên tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Quốc tế, nghiên cứu đã thực hiện kiểm định hệ số Cronbach's alpha nhằm xác định tính nhất quán nội tại của các nhóm câu hỏi (thang đo). Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy cả 03 nhóm thang đo chính đều đạt độ tin cậy rất tốt, cụ thể như sau: Thang đo thực trạng ứng dụng AI trong soạn giảng (10 câu): Hệ số Cronbach's alpha đạt 0.865; Thang đo thực trạng ứng dụng AI trong giảng dạy trực

tiếp (10 câu): Hệ số Cronbach's alpha đạt 0.842; Thang đo thực trạng ứng dụng AI trong đánh giá/chấm bài (10 câu): Hệ số Cronbach's alpha đạt 0.878.

Tất cả các hệ số Cronbach's alpha đều vượt xa ngưỡng tiêu chuẩn tối thiểu (0.7) và các hệ số tương quan biến - tổng (item-total correlation) của từng biến quan sát đều lớn hơn 0.3. Điều này khẳng định bộ công cụ đo lường có tính nhất quán cao, các câu hỏi khảo sát được thiết kế chặt chẽ và dữ liệu thu thập được từ 20 giảng viên hoàn toàn đảm bảo độ tin cậy về mặt thống kê để thực hiện các phân tích tiếp theo.

Nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu từ đội ngũ giảng viên đang công tác tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Quốc tế, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Cấu trúc mẫu khảo sát phản ánh một bức tranh nhân sự đa dạng, tạo nên lăng kính nhiều chiều về mức độ tiếp nhận công nghệ: Nhóm giảng viên trẻ dưới 3 năm kinh nghiệm chiếm 10%, nhóm từ 3 - 5 năm chiếm 30%. Đặc biệt, đội ngũ ở giai đoạn phát triển chuyên môn sâu với thâm niên từ 5 - 10 năm chiếm 15%, và lực lượng giảng viên nòng cốt có bề dày trên 10 năm chiếm tỷ trọng áp đảo nhất (45%). Sự phân bố này cho thấy kết quả nghiên cứu mang tính đại diện rất cao, phản ánh chân thực tiếng nói và góc nhìn của những nhà giáo có chuyên môn vững vàng, những người đang trực tiếp định hình phương pháp sư phạm tại Khoa.

Về mức độ tiếp cận công nghệ hiện tại, kết quả khảo sát ghi nhận một xu hướng đột phá khi có đến 80% giảng viên cho biết họ sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (như ChatGPT, Gemini, Copilot...) từ mức "Thường xuyên" đến "Luôn luôn". Khi thực hiện phép giao cắt (cross-tabulation) giữa hai biến số thâm niên và tần suất sử dụng, dữ liệu đã đem lại một phát hiện vô cùng thú vị: Mặc dù lực lượng giảng viên nòng cốt có tuổi nghề cao, nhưng tỷ lệ chủ động đón nhận và làm chủ AI lại hoàn toàn vượt trội. Họ không chỉ dừng lại ở bước thử nghiệm bề mặt, mà đã linh hoạt biến AI thành một "trợ lý học thuật" đắc lực để xử lý các tác vụ phức tạp như thiết kế học liệu ngôn ngữ, xây dựng rubric chấm điểm, hay tối ưu hóa thời gian hành chính để tập trung cho các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên sâu.

Thực tiễn này đã phá vỡ hoàn toàn định kiến truyền thống cho rằng giảng viên lâu năm thường e ngại sự thay đổi và gặp rào cản lớn với công nghệ mới. Ngược lại, chính bề dày kinh nghiệm thực chiến đã giúp họ nhanh chóng đánh giá được giới hạn và tiềm năng của AI, từ đó ứng dụng chúng một cách có chọn lọc và hiệu quả nhất. Kết quả thống kê này là minh chứng sắc bén cho thấy, trong môi trường giáo dục đại học hiện đại, trí tuệ nhân tạo không còn là một khái niệm mang tính trào lưu xa vời. Nó đã thực sự chứng minh được tính hữu dụng thực tiễn, vượt qua các rào cản thế hệ để trở thành một phần thiết yếu, trực tiếp tái tạo thói quen làm việc và nâng tầm chất lượng giảng dạy hàng ngày của đội ngũ sư phạm.

4.2. Thực trạng ứng dụng AI theo tiến trình sư phạm

Dữ liệu khảo sát phản ánh một bức tranh phân hóa rõ rệt về mức độ và cách thức tích hợp AI vào 3 khâu cốt lõi của quá trình giảng dạy. Cụ thể, mức độ ứng dụng có xu hướng "giảm dần" từ khâu chuẩn bị, lên lớp cho đến khâu đánh giá:

Trong giai đoạn soạn giảng (Chuẩn bị bài): Đây là khâu ghi nhận sự tiếp nhận AI mạnh mẽ và cởi mở nhất. Không gian làm việc cá nhân trước giờ lên lớp cho phép giảng viên thoải mái thử nghiệm. Giảng viên tập trung sử dụng AI cho các tác vụ mang tính nền tảng và tiêu tốn nhiều thời gian như "Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu học thuật chuyên ngành" (35% đánh giá Thường xuyên, 15% đánh giá Luôn luôn - tổng 50%) và "Xây dựng đề cương môn học/bài học" (45%). Các hệ thống Chatbot (ChatGPT, Gemini, Claude) và công cụ thiết kế (Canva AI, Beautiful.ai) được tin dùng nhất. Điều này cho thấy AI đang đóng vai trò xuất sắc như một "trợ lý nghiên cứu", giúp giải phóng sức lao động ở các khâu hành chính, cho phép giảng viên tập trung hơn vào hàm lượng chuyên môn sâu.

Trong giai đoạn giảng dạy trên lớp: Mức độ ứng dụng có dấu hiệu "chững lại" và mang tính chọn lọc hơn hẳn. Thay vì ủy quyền nội dung cho AI, giảng viên chủ yếu tận dụng các nền tảng có yếu tố trò

chơi hóa (Gamification) đã quen thuộc như Kahoot AI, Quizizz để “Tạo các câu hỏi trắc nghiệm tương tác trực tiếp” (40%). Ngược lại, các tác vụ phức tạp đòi hỏi sự can thiệp của AI theo thời gian thực (real-time) như “Cụ thể hóa khái niệm trừu tượng” hay “Tạo tình huống giả định” lại có tỷ lệ “Chưa bao giờ” và “Hiếm khi” lên tới 25%. Nguyên nhân có thể do tâm lý e ngại rủi ro về đường truyền mạng, rủi ro AI “ảo giác” (cung cấp thông tin sai) ngay trên bục giảng, khiến giảng viên ưu tiên các phương pháp truyền thống an toàn hơn khi đối mặt trực tiếp với sinh viên.

Trong giai đoạn kiểm tra và đánh giá: Đây là khâu ghi nhận sự thận trọng cao nhất. Dù có 65% giảng viên ứng dụng AI ở bước chuẩn bị khung đánh giá (“Thiết kế ma trận đề thi và ngân hàng câu hỏi”), nhưng khi chạm đến quyền lợi sát sườn của sinh viên như “Viết nhận xét chi tiết” hay “Phát hiện đạo văn”, tỷ lệ áp dụng tụt giảm mạnh. Sự ngần ngại này hoàn toàn có cơ sở, xuất phát từ những hạn chế kỹ thuật của phần mềm nhận diện văn bản tiếng Việt hiện nay, cũng như nỗi lo sâu sắc về tính công bằng, minh bạch và tính nhân văn trong giáo dục mà máy móc chưa thể thay thế con người.

4.3. Rào cản và giải pháp đề xuất

Về mặt năng lực và chuyên môn: Có đến 90% giảng viên nhận định giải pháp cấp bách nhất là “Tập huấn kỹ thuật chuyên sâu”. Đáng chú ý, 45% kỳ vọng vào “Các khóa học thực hành dài hạn, cầm tay chỉ việc”. Số liệu này gửi đi một thông điệp rõ ràng: Giảng viên đã vượt qua giai đoạn “nhận thức” về AI và đang khao khát bước sang giai đoạn “chuẩn hóa kỹ năng” (đặc biệt là kỹ năng thiết lập câu lệnh - Prompt Engineering cho nhóm ngành Ngôn ngữ). Phân tích sâu hơn, năng lực khai thác AI hiện nay không chỉ dừng lại ở thao tác kỹ thuật mà đã trở thành một cấu phần của tư duy sư phạm số. Theo Su và Yang (2023), việc thiết kế câu lệnh đối với giảng viên được xem là một “năng lực cốt lõi mới”, giúp cá nhân hóa lộ trình học tập và tạo ra các ngữ liệu giảng dạy sát với thực tế. Nếu không được tập huấn bài bản, giảng viên rất dễ gặp lúng túng trước hiện tượng “ảo giác AI” (AI hallucinations), dẫn đến nguy cơ sai lệch trong kiến thức chuyên môn truyền đạt [6].

Về mặt hạ tầng và công cụ: Tiếng nói chung của đội ngũ giảng viên hướng đến việc nhà trường cần “Cấp kinh phí hoặc tài khoản AI bản quyền” (65%). Việc sử dụng các phiên bản AI miễn phí thường bị giới hạn tính năng, gián tiếp làm giảm hiệu quả áp dụng thực tế. Tình trạng này hoàn toàn trùng khớp với cảnh báo của UNESCO (2023) về nguy cơ tạo ra “khoảng cách số mới” (new digital divide) ngay trong nội bộ môi trường học thuật. Khi cơ sở giáo dục không cung cấp đủ hạ tầng công nghệ chuẩn mực, việc sử dụng các công cụ phân mảnh, miễn phí không chỉ làm giảm tính đồng bộ trong chất lượng giảng dạy mà còn tiềm ẩn rủi ro rò rỉ dữ liệu giáo dục. Do đó, đầu tư vào tài khoản AI bản quyền chính là khoản đầu tư thiết yếu cho hạ tầng tri thức của nhà trường [7].

Về mặt chính sách và đạo đức học thuật: Một yếu tố quan trọng khác là 30% ý kiến yêu cầu “Sớm ban hành quy chế rõ ràng, có chế tài xử lý nghiêm các trường hợp lạm dụng AI”. Sự thận trọng của giảng viên, đặc biệt trong khâu kiểm tra và đánh giá, là hoàn toàn có cơ sở khoa học. Lodge và cộng sự (2023) đã chỉ ra rằng, AI tạo sinh đang phá vỡ các phương pháp đánh giá truyền thống, đòi hỏi các trường đại học phải tái thiết kế công cụ đo lường năng lực thay vì chỉ áp dụng các biện pháp cầm đoán tiêu cực [8]. Việc thiếu vắng một hành lang pháp lý minh bạch sẽ đẩy giảng viên vào thế bị động, khó phân định ranh giới giữa việc sinh viên “sử dụng AI như công cụ hỗ trợ hợp lệ” và hành vi gian lận học thuật.

Tóm lại, kết quả khảo sát tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Quốc tế cho thấy trí tuệ nhân tạo đã bước đầu trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực, được đông đảo giảng viên đón nhận bất kể thâm niên công tác. Tuy nhiên, bức tranh ứng dụng AI hiện tại vẫn bộc lộ sự phân hóa: Phát huy hiệu quả cao nhất ở khâu chuẩn bị bài giảng, nhưng lại giảm dần ở khâu giảng dạy trực tiếp và đặc biệt thận trọng trong khâu kiểm tra, đánh giá. Dữ liệu khẳng định rào cản lớn nhất hiện nay không xuất phát từ thái độ e ngại công nghệ của đội ngũ sư phạm, mà bắt nguồn từ sự thiếu hụt về kỹ năng thực hành chuyên sâu, giới hạn về công cụ bản quyền và những khoảng trống trong quy chế đạo đức. Từ những minh chứng thực

tiền này, một yêu cầu cấp thiết được đặt ra là cơ sở giáo dục cần chuyển dịch chiến lược: từ việc chỉ dừng lại ở mức “khuyến khích sử dụng” sang kiến tạo một “hệ sinh thái AI toàn diện”. Hệ sinh thái này cần được xây dựng đồng bộ dựa trên ba trụ cột vững chắc: (1) đào tạo kỹ năng thực chiến, (2) trang bị hạ tầng công cụ hợp pháp và (3) thiết lập hành lang pháp lý, đạo đức minh bạch.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Khẳng định tính tất yếu của công nghệ trong bối cảnh mới

Sự hiện diện của Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục đại học ngày nay đã vượt ra khỏi ranh giới của những viễn cảnh tương lai hay các cuộc thảo luận mang tính lý thuyết, để chính thức trở thành một thực tại cấp thiết và hiển nhiên. Cuộc cách mạng này đang tạo ra một sự chuyển dịch hệ hình (paradigm shift) sâu sắc, đòi hỏi sự thích ứng chủ động, linh hoạt và không ngừng học hỏi từ phía đội ngũ sư phạm. Kết quả nghiên cứu thực chứng tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Quốc tế, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã phác họa một bức tranh chân thực, đa chiều về mức độ tiếp nhận và năng lực làm chủ công nghệ của giảng viên. Có thể khẳng định một cách mạnh mẽ rằng, AI đang từng bước tái định hình môi trường học thuật, đóng vai trò như một “trợ lý ảo” đắc lực và không biết mệt mỏi. Sự can thiệp của AI đã giúp giải phóng đáng kể sức lao động của người thầy khỏi những tác vụ thủ công có tính lặp lại, tối ưu hóa tối đa thời gian và công sức trong các khâu chuẩn bị bài giảng, thiết kế học liệu trực quan, và tổng hợp khối lượng lớn tri thức chuyên ngành.

Nhận diện các điểm nghẽn và thách thức thực tiễn

Tuy nhiên, bức tranh ứng dụng công nghệ này không hoàn toàn chỉ có những mảng màu sáng. Quá trình dịch chuyển và tích hợp trực tiếp AI vào không gian lớp học sinh động cũng như quy trình kiểm tra, đánh giá người học vẫn đang đối mặt với những “điểm nghẽn” mang tính hệ thống. Nguyên nhân cốt lõi xuất phát từ những hạn chế trong kỹ năng thao tác công nghệ chuyên sâu (điển hình như kỹ năng thiết kế câu lệnh - prompt engineering) để có thể khai thác tối đa và kiểm soát chất lượng đầu ra của AI. Cùng với đó là sự thiếu vắng một hành lang pháp lý và các bộ tiêu chuẩn đạo đức học thuật (academic integrity) rõ ràng từ cấp quản lý. Việc chưa thiết lập được ranh giới minh bạch giữa việc “tham khảo” và “lạm dụng” công cụ tự động đã tạo ra tâm lý e dè, vô hình trung làm chậm lại quá trình đổi mới phương pháp kiểm tra, khiến việc đo lường năng lực thực chất của sinh viên trở thành một thách thức phức tạp.

Tái khẳng định triết lý giáo dục và định hướng chiến lược

Quan trọng hơn cả, vượt lên trên những rào cản về mặt kỹ thuật, kết quả nghiên cứu một lần nữa mạnh mẽ tái khẳng định một triết lý giáo dục bất biến: Trí tuệ nhân tạo, dù có phát triển ưu việt và tinh vi đến đâu, bản chất vẫn chỉ là một công cụ hỗ trợ mang tính kỹ thuật thuần túy. Nó hoàn toàn không thể thay thế vai trò dẫn dắt, khả năng truyền cảm hứng, sự thấu cảm sâu sắc và tư duy phản biện sắc bén của người thầy. Đặc biệt, trong môi trường đào tạo ngôn ngữ và văn hóa - nơi đòi hỏi sự tinh tế trong việc truyền tải bối cảnh ngữ dụng, sắc thái biểu cảm và sự giao thoa giữa các nền văn minh - "tính người" (human touch) trong giáo dục lại càng trở nên vô giá. Do đó, định hướng cốt lõi trong giai đoạn tới không phải là bài xích hay e ngại, mà là việc chuyển đổi mô hình từ ứng dụng mang tính tự phát, cá nhân sang một quy trình ứng dụng bài bản, có chiến lược và mang tính thể chế hóa. Đây được xem là xu thế tất yếu, mang tính sống còn để các cơ sở giáo dục đại học chủ động kiến tạo và đáp ứng trọn vẹn yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong kỷ nguyên số hóa toàn diện.

5.2. Kiến nghị

Để kiến tạo “hệ sinh thái AI toàn diện” nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác sư phạm, tác giả đề xuất một số kiến nghị cụ thể tới Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo và Ban Chủ nhiệm Khoa như sau:

Về công tác bồi dưỡng năng lực: Cần tổ chức các chuỗi tập huấn thực hành dài hạn mang tính “thực chiến” thay vì các buổi hội thảo lý thuyết thuần túy. Trọng tâm đào tạo cần đặt vào kỹ năng thiết lập câu lệnh (Prompt Engineering) chuyên sâu cho từng đặc thù môn học, giúp giảng viên kiểm soát và

khai thác tối đa độ chính xác của công cụ AI.

Về hạ tầng và hỗ trợ công nghệ: Kiến nghị Nhà trường xem xét các chính sách hỗ trợ kinh phí hoặc cấp quyền truy cập các tài khoản AI bản quyền (như ChatGPT Plus, Copilot Pro) cho đội ngũ giảng viên cơ hữu. Đồng thời, cần xây dựng lộ trình tích hợp các tiện ích AI và hệ thống quét đạo văn AI vào Hệ thống Quản lý Học tập (LMS) nội bộ để tạo sự đồng bộ, bảo mật và tiện lợi.

Về hành lang pháp lý và đạo đức học thuật: Kiến nghị khẩn trương soạn thảo và ban hành "Bộ quy tắc ứng xử với Trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy và học tập". Bộ quy tắc này cần làm rõ ranh giới giữa việc ứng dụng AI một cách hợp lệ và việc lạm dụng để gian lận, quy định bắt buộc về minh bạch trích dẫn nguồn AI đối với người học. Đây là cơ sở pháp lý cốt lõi giúp giảng viên tự tin, an tâm hơn khi ứng dụng AI vào khâu kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng và Phòng Quản lý Khoa học - Tạp chí Khoa học đã tổ chức "Hội nghị Khoa học tuổi trẻ Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng lần thứ 2", tạo ra một diễn đàn giao lưu học thuật uy tín và mang đến cơ hội quý báu để tác giả được tham gia báo cáo đề tài. Đồng thời, tác giả cũng xin chân thành cảm ơn Ban Chủ nhiệm Khoa cùng toàn thể quý đồng nghiệp tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Quốc tế đã nhiệt tình hỗ trợ, tham gia khảo sát và cung cấp những dữ liệu thực tiễn quan trọng giúp hoàn thiện bài nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J. Su and W. Yang, Unlocking the power of ChatGPT: A framework for applying generative AI in education, *Computers and Education: Artificial Intelligence*, vol. 4, p. 100130, 2023.
- [2] C. K. Lo, What is the impact of ChatGPT on education? A rapid review of the literature, *Education Sciences*, vol. 13, no. 4, p. 410, 2023.
- [3] M. Sharples, Towards social generative AI for education: theory, practices and ethics, *Learning: Research and Practice*, vol. 9, no. 2, pp. 159-167, 2023.
- [4] Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự, Thực trạng ứng dụng ChatGPT và các công cụ AI trong sinh viên và giảng viên đại học tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, vol. 20, no. 1, pp. 45-52, 2024.
- [5] Lê Văn Hùng và Phạm Thị Mai, Đánh giá mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ giáo dục và trí tuệ nhân tạo của giảng viên khối ngành Ngôn ngữ và Xã hội, *Tạp chí Giáo dục*, vol. 24, no. 8, pp. 55-61, 2024.
- [6] J. Su and W. Yang, Unlocking the power of ChatGPT: A framework for applying generative AI in education, *ECNU Review of Education*, vol. 6, no. 3, pp. 355-366, 2023.
- [7] UNESCO, *Guidance for Generative AI in Education and Research*. Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, 2023.
- [8] J. M. Lodge, K. Thompson, and L. Corrin, Mapping out a research agenda for generative artificial intelligence in tertiary education, *Australasian Journal of Educational Technology*, vol. 39, no. 2, pp. 1-16, 2023.